

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 924/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: 60/160/40 ấp A, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 19/4A ấp Đ, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1982; thường trú: 60/160/40 ấp A, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Cẩm L trình bày:

Bà Trần Thị Cẩm L và ông Lê Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyền số 01/2004 ngày 10/3/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hóa giải, do ông T nhiều lần ngoại tình dẫn đến vợ chồng không còn niềm tin với nhau. Vợ chồng đã tạo nhiều cơ hội nhưng ông T không thay đổi, thậm chí còn chửi bới, thiếu tôn trọng bà và gia đình bà, làm ảnh hưởng xấu đến tâm sinh lý của các con. Từ ngày 22/12/2019, bà và các con về nhà cha mẹ ruột tại xã Thới Tam Thôn sinh sống và vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau đến nay. Mâu

thuần vợ chồng đã quá trầm trọng nên không thể chung sống với nhau. Vì vậy, bà xin được ly hôn với ông T. Vợ chồng có 02 con chung là Lê Hoàng Yến N, sinh ngày 22/12/2003 và Lê Hoàng N, sinh ngày 11/01/2014, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 18/3/2020, bị đơn là ông Lê Minh T trình bày: ông Lê Minh T và bà Trần Thị Cẩm L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01/2004 ngày 10/3/2004. Sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do lỗi của ông T quen người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, những tháng gần đây bà L đã về nhà cha mẹ sống. Ông đã biết sai và xin sửa sai để cùng vợ chăm lo cho 02 con nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là Lê Hoàng Yến N, sinh ngày 22/12/2003 và Lê Hoàng N, sinh ngày 11/01/2014. Trường hợp buộc phải ly hôn thì ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Hoàng N, không cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xác nhận vợ chồng không có nợ chung, vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Bà L và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp; bà L xin ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, sống ly thân và bỏ mặc nhau từ đầu năm 2020, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ; ông T một lần có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến, sau đó vắng mặt không lý do, thể hiện không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ; con chung có nguyện vọng được sống với bà L và đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác

định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Minh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01/2004 ngày 10/3/2004 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu ly hôn:

Theo bà L, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T đã rất trầm trọng, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và bỏ mặc nhau từ ngày 22/12/2020 đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ, không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Ông T có mặt tại Tòa án duy nhất một lần vào ngày 18/3/2020 xác nhận mâu thuẫn vợ chồng, thừa nhận vợ chồng không còn tin tưởng nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do lỗi của ông T, bà L đã bỏ về nhà cha mẹ sống. Ông không đồng ý ly hôn vì muốn được sửa sai để cùng vợ chăm lo cho các con nhỏ. Tuy nhiên, sau đó ông T vắng mặt không có lý do là bỏ mặc mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn, cũng không có giải pháp đoàn tụ gia đình.

Tại biên bản xác minh ngày 03/6/2020, đại diện Ban nhân dân Ấp 6, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn xác định địa phương chưa phát hiện gì về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T, bà L cùng 02 con đã chuyển về ấp Đông, xã Thới Tam Thôn sinh sống từ đầu năm 2020 đến nay.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được động viên đoàn tụ vợ chồng để cùng chăm lo cho 02 con chung nhưng bà L dứt khoát yêu cầu ly hôn với ông T, do vợ chồng không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau.

Như vậy, có căn cứ xác định việc vợ chồng bà L, ông T đã sống ly thân bỏ mặc nhau, không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng:

Theo lời khai của bà L kèm bản sao Giấy khai sinh số 223, quyển số 02/2003 ngày 25/6/2004 và số 46, quyển số 01/2014 ngày 22/01/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp, xác định bà L và ông T có 02 con chung là Lê Hoàng Yến N, sinh ngày 22/12/2003 và Lê Hoàng N, sinh ngày 11/01/2014.

Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là phù hợp với việc bà L là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chung tại bản tự khai ngày 18/3/2020, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên yêu cầu của bà L được chấp nhận. Ghi nhận việc bà L tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Ông T xác định trường hợp phải ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Hoàng N, sinh ngày 11/01/2014. Tuy nhiên, 02 con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ ngày vợ chồng sống ly thân 22/12/2019 đến nay, việc thay đổi môi trường sống cũng như việc phải tách 02 con chung sau khi vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển tâm sinh lý của các con chung. Vì vậy, yêu cầu của ông T là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Bà L và ông T cùng trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà L và ông T cùng trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ*". Ông T có mặt tại Tòa án một lần để trình bày ý kiến, cung cấp 01 căn cước công dân, sau đó vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nên phải tự chịu trách nhiệm.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Cẩm L và ông Lê Minh T.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Hoàng Yến N, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Lê Hoàng

N, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2014; tạm ngừng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Minh T cho đến khi có yêu cầu của bà Trần Thị Cẩm L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Cẩm L và ông Lê Minh T trình bày không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0077643 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Trần Thị Cẩm L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Thới Tam Thôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Huy